

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Đức
2. Ông Trần Văn Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn Trương Thị Thúy N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà chồng ở xã Đ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên chơi bời, rượu chè, không tu chí làm ăn nên nợ nần chồng chất. Anh B cũng không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Đồ đạc có giá trị trong gia đình đều bị anh B bán để tiêu xài cá nhân. Chị N đã nói, chuyện, góp ý nhiều lần nhưng anh B không thay đổi, mà còn bị anh B chửi bới, dọa dẫm. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn, hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị N xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, tiếp tục hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên chị N xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình B có 02 con chung là Nguyễn Đình A, sinh ngày 23/11/2012 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/2015. Ly hôn, chị N xin nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Đình B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thúy N, chị N được ly hôn anh Nguyễn Đình B; Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh B

được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Về án phí: Chị N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Chị Trương Thị Thúy N đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đình B. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là anh Nguyễn Đình B có hộ khẩu thường trú tại thôn V, xã Đ, huyện Thanh Trì, Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Về việc tham gia tố tụng của đương sự: Anh B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do tại phiên tòa; chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B thường xuyên chơi bời, rượu chè, không tu chí làm ăn nên nợ nần chồng chất. Anh B cũng không quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn, hòa giải cho anh chị nhiều lần nhưng không được. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ năm 2019 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh B.

Xác minh tại chính quyền địa phương, xác định chị N và anh B có mâu thuẫn về tình cảm, anh chị không sống cùng nhà với nhau, chị N và các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở xã Vĩnh Quỳnh. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh B mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N được ly hôn anh B.

2.2. Về con chung: Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình B có 02 con chung là Nguyễn Đình A, sinh ngày 23/11/2012 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/2015. Ly hôn, chị N xin nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Cháu An, cháu N hiện đều đang sinh sống cùng chị N và đều có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với chị N nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, học tập, sinh hoạt cũng như tâm lý phát triển của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh B có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh B không có mặt tại phiên tòa và không có lời khai về phần tài sản. Do vậy, dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị Trương Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Thúy N. Chị Trương Thị Thúy N được ly hôn anh Nguyễn Đình B.

2. Về con chung: Chị Trương Thị Thúy N và anh Nguyễn Đình B có 02 con chung là Nguyễn Đình A, sinh ngày 23/11/2012 và Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/2015. Ly hôn, giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các đương sự có

yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Đình B có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trương Thị Thúy N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai số 63468 ngày 31/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Các bên đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thắng